

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-PT
Ngày 06-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Các Thẩm phán: Ông Đào Minh Đa

Ông Nguyễn Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2018/TLPT-DS ngày 02/01/2018 về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2018/QĐPT-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Đặng Ngọc M, sinh năm 1958; địa chỉ: Số 214, ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Trần Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 13, tổ 1, khu phố 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

3. Cháu Đặng Ngọc Anh T, sinh năm 2003; địa chỉ: Số 214, ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu Đặng Ngọc Anh T: Bà Phạm Ngọc H, sinh năm 1980 (mẹ ruột); địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn: Ông Hồ Đăng L, sinh năm 1992; địa chỉ thường trú: Thôn C, xã A, huyện T, tỉnh P; địa chỉ liên hệ: Số 452 đường M, Phường 9, Quận 11, Thành phố H; có mặt.

- *Bị đơn:* Tổng Công ty B; địa chỉ: Tầng 37, K , đường P, quận N, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Sin Thoại K, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 153, đường D, phường 7, quận G, thành phố H (văn bản ủy quyền ngày 27/12/2017), có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Lâm Văn Q, sinh năm 1955; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.2. Bà Đặng Ngọc M, sinh năm 1958; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.3. Cháu Đặng Ngọc Anh T, sinh năm 2003;

Cùng địa chỉ: Số 214, ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

3.4. Cháu Đặng Ngọc Minh T, sinh năm 2004; địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của cháu Đặng Ngọc Anh T, cháu Đặng Ngọc Minh T: Bà Phạm Ngọc H, sinh năm 1980 (mẹ ruột); địa chỉ: Khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3.5. Ông Bùi Thanh Phương H, sinh năm 1969; địa chỉ: Số 181 Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Tổng Công ty B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Các nguyên đơn trình bày:

Ông Đặng Lâm Quốc B là con của bà Đặng Ngọc M, là chồng của bà Trần Thị T (chưa đăng ký kết hôn), là cha của cháu Đặng Ngọc Anh T cháu Đặng Ngọc Minh T.

Ngày 17/6/2014 ông B xác lập giấy yêu cầu bảo hiểm số UVL/2014 – 0019414 đối với Tổng Công ty B (viết tắt là công ty) để tham gia gói bảo hiểm An phát trọn đời, giá trị bảo hiểm 1.500.000.000 đồng, thời hạn bảo hiểm là trọn đời, thời hạn đóng phí 15 năm, mức phí cho hợp đồng chính 30.000.000 đồng/năm. Ngoài ra, ông B còn tham gia sản phẩm bổ trợ R17 với số tiền đóng phí 843.000 đồng. Trong đó người được bảo hiểm là ông Đặng Lâm Quốc B, người thụ hưởng là bà Trần Thị T. Ngày 21/6/2014, đại diện công ty cho ông B kiểm tra sức khỏe tại Bệnh viện đa khoa tư nhân B. Ngày 25/6/2014, dựa theo kết quả kiểm tra sức khỏe chỉ định đối với ông B, công ty ra thông báo chấp nhận bảo hiểm có điều kiện (tăng phí do tình trạng sức khỏe) và đề nghị ông B

nộp thêm 590.100 đồng phí bảo hiểm theo điều kiện. Ngày 27/6/2014, sau khi ông B thực hiện xong nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm theo hóa đơn số DT/11T0298119, công ty ra thông báo chấp nhận bảo hiểm đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An phát trọn đời (BV-NCUVL01) số 568411607 và giao toàn bộ hợp đồng, cùng các tài liệu có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm cho ông B.

Ngày 24/7/2014, ông B tiếp tục lập giấy yêu cầu bảo hiểm số UVL/2013 – 0108683 để tham gia gói bảo hiểm An phát trọn đời, giá trị bảo hiểm 2.500.000.000 đồng, thời hạn bảo hiểm trọn đời, thời hạn đóng phí 15 năm, mức phí cho hợp đồng chính 48.000.000 đồng/năm, cùng với hợp đồng chính ông B còn tham gia sản phẩm bổ trợ R15, R16 và R17 với số tiền đóng phí cho sản phẩm bổ trợ lần lượt R15: 420.000 đồng, R16: 1.215.000 đồng và R17: 1.348.800 đồng. Trong đó, người được bảo hiểm là ông Đặng Lâm Quốc B, người thụ hưởng là cháu Đặng Ngọc Anh T (thể hiện tại trang thông tin cơ bản của hợp đồng). Ngày 29/7/2014, dựa trên kết quả kiểm tra sức khỏe chỉ định đối với hợp đồng bảo hiểm An phát trọn đời ngày 27/6/2014 đối với ông B, công ty ra thông báo chấp nhận bảo hiểm có điều kiện (tăng phí do tình trạng sức khỏe) và đề nghị ông B nộp thêm 2.088.660 đồng phí bảo hiểm có điều kiện. Ngày 06/8/2014, sau khi ông B thực hiện xong nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm theo hóa đơn số DT/11T0317367, công ty ra thông báo chấp nhận bảo hiểm và giao toàn bộ hợp đồng, cùng các tài liệu có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm cho ông B.

Cùng ngày 24/7/2014, ông B còn lập giấy yêu cầu bảo hiểm số UVL/2013 – 0108684 để tham gia gói bảo hiểm An phát hưng gia, giá trị bảo hiểm 1.500.000.000 đồng, thời hạn bảo hiểm 20 năm, thời hạn đóng phí bằng thời hạn tham gia, mức phí cho hợp đồng chính 50.000.000 đồng/năm, ngoài ra ông B còn tham gia sản phẩm bổ trợ R15, R16 và R17 với số tiền đóng phí cho sản phẩm bổ trợ R15: 420.000 đồng, R16: 1.215.000 đồng và R17: 1.845.000 đồng. Trong đó, người được bảo hiểm là ông Đặng Lâm Quốc B, người thụ hưởng là bà Đặng Ngọc M. Ngày 29/7/2014, dựa trên kết quả kiểm tra sức khỏe chỉ định đối với hợp đồng bảo hiểm An phát trọn đời ngày 27/6/2014 đối với ông B, công ty ra thông báo chấp nhận bảo hiểm có điều kiện (tăng phí do tình trạng sức khỏe) và đề nghị ông B nộp thêm 2.436.000 đồng. Ngày 06/8/2014, sau khi ông B thực hiện xong nghĩa vụ nộp phí bảo hiểm theo hóa đơn số DT/11T0317523, công ty ra thông báo chấp nhận bảo hiểm và giao toàn bộ hợp đồng, cùng các tài liệu có liên quan cho ông B.

Ngày 12/3/2015 ông B chết, những người thụ hưởng bà Trần Thị T, bà Đặng Ngọc M và cháu Đặng Ngọc Anh T yêu cầu công ty trả tiền bảo hiểm. Tại văn bản ngày 15/5/2015, công văn số 30/BVNT – GQQLBH ngày 17/7/2015 về việc trả lời khách hàng của công ty xác định trường hợp của ông B không được bồi thường bảo hiểm vì ông B đã vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định tại Điều 4.1 của hợp đồng.

Nay các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc công ty có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm đối với hợp đồng chính cho người thụ hưởng bà Trần Thị T 1.500.000.000 đồng, cho người thụ hưởng bà Đặng Ngọc M 1.500.000.000 đồng, cho người thụ hưởng cháu Đặng Ngọc Anh T 2.500.000.000 đồng.

Đối với các sản phẩm bảo trợ R15, R16, R17 các nguyên đơn không yêu cầu bồi thường.

- Bị đơn trình bày:

Bị đơn thống nhất trình bày của nguyên đơn về việc năm 2014 công ty có xác lập với ông B 03 hợp đồng bảo hiểm gồm: Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An phát trọn đời (BV-NCUVL01) số 568411607 ngày 17/6/2014, hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An phát hưng gia (BV-NAUVL01) số 568432539 ngày 24/7/2014 và hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An phát trọn đời (BV-NCUVL01) số 568432219 ngày 24/7/2014 với tổng số tiền được bảo hiểm 5.500.000.000đ (năm tỷ năm trăm triệu đồng), cho người được bảo hiểm ông B, người thụ hưởng cho các hợp đồng bảo hiểm trên gồm bà T, bà M và cháu Anh T; về phí bảo hiểm, tăng phí bảo hiểm, thời hạn bảo hiểm, các sản phẩm bảo hiểm bảo trợ.

Hồ sơ cho các hợp đồng bảo hiểm gồm: Thông báo chấp nhận bảo hiểm, trang thông tin cơ bản hợp đồng, trang thông tin chi tiết của sản phẩm bảo trợ, điều khoản của hợp đồng chính, điều khoản của các sản phẩm bảo trợ, hóa đơn thu phí bảo hiểm đầu tiên.

Khi tham gia bảo hiểm ông B được nhân viên của công ty cho tiến hành kiểm tra sức khỏe. Sau khi kiểm tra sức khỏe, công ty ra thông báo chấp nhận bảo hiểm có điều kiện (tăng phí do tình trạng sức khỏe) và đề nghị ông B nộp thêm 590.100 đồng phí bảo hiểm theo điều kiện đối với hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An phát trọn đời (BV-NCUVL01) số 568411607; số tiền 2.088.660 đồng phí bảo hiểm có điều kiện cho hợp đồng bảo hiểm An phát trọn đời số (BV-NCUVL01) số 568432219 và số tiền 2.436.000 đồng cho hợp đồng bảo hiểm An phát hưng gia số (BV-NAUVL01) số 568432539.

Ngày 12/3/2015 ông B, những người thụ hưởng bà T, bà M và cháu Anh T yêu cầu công ty bồi thường tiền bảo hiểm 5.500.000.000đ (năm tỷ năm trăm triệu đồng), công ty không đồng ý với yêu cầu bồi thường của những người thụ hưởng. Tại văn bản ngày 15/5/2015, công văn số 30/BVNT – GQQLBH ngày 17/7/2015 về việc trả lời khách hàng của công ty xác định trường hợp của ông B không được bồi thường bảo hiểm vì khi tham gia bảo hiểm ông B đã bị bệnh Carcinom kém biệt hóa di căn và Carcinom thần kinh nội tiết, nhưng ông B lại đánh dấu X vào ô “không” tại giấy yêu cầu bảo hiểm là vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định tại Điều 4.1 của hợp đồng. Trong trường hợp ông B không vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin thì rủi ro xảy ra khi hợp đồng có hiệu lực chưa đủ 12 tháng thì công ty cũng chỉ hoàn lại cho ông B 100% phí bảo hiểm đã đóng sau trừ đi các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán, các khoản rút một

phần giá trị tài khoản của hợp đồng (nếu có), khoản nợ (nếu có), chi phí kiểm tra sức khỏe (nếu có), chi phí đánh giá rủi ro và phát hành hợp đồng theo Điều 6.2.5 Điều khoản An phát trọn đời, Điều 6.3.5 Điều khoản An phát hưng gia. Tuy nhiên, trường hợp ông B là do vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin cụ thể tại mục II.A.17 và II.C.27 của giấy yêu cầu bảo hiểm nên việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm phải căn cứ vào Điều 4.1 và 4.2 Điều khoản An phát trọn đời và An phát hưng gia. Do đó, công ty không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn Q trình bày:

Ông Đặng Lâm Quốc B là con của ông Q, ông B có mua 03 hợp đồng bảo hiểm của công ty, như sau:

+ Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An phát trọn đời (BV-NCUVL01) số 568411607 ngày 17/6/2014, số tiền bảo hiểm 1.500.000.000 đồng, quyền lợi bảo hiểm tử vong là cơ bản, người thụ hưởng là Trần Thị T. Tổng số tiền bảo hiểm định kỳ hàng năm 31.433.100 đồng. Ông B đã đóng số tiền bảo hiểm này theo hóa đơn bán hàng số DT/11T0298119 ngày 27/6/2014.

+ Hợp đồng bảo hiểm An phát hưng gia (BV-NAUVL01) số 568432539 ngày 24/7/2014, số tiền bảo hiểm 1.500.000.000 đồng, quyền lợi bảo hiểm tử vong là cơ bản, người thụ hưởng bà Đặng Ngọc M. Tổng số tiền phí bảo hiểm định kỳ hàng năm 55.916.000 đồng. Ông B đã đóng số tiền bảo hiểm này theo hóa đơn bán hàng số DT/11T0317523 ngày 06/8/2014.

+ Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An Phát Trọn Đời (BV-NCUVL01) số 568432219 ngày 24/7/2014, số tiền bảo hiểm 2.500.000.000 đồng, quyền lợi bảo hiểm tử vong là cơ bản, người thụ hưởng là cháu Đặng Ngọc Anh T. Tổng số tiền bảo hiểm định kỳ hàng năm 53.072.460 đồng. Ông B đã đóng số tiền bảo hiểm này theo hóa đơn bán hàng số DT/11T0317367 ngày 06/8/2014.

Ông Q yêu cầu giải quyết theo pháp luật. Ông Q không có tranh chấp gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đặng Ngọc Anh T (bà Phạm Ngọc H đại diện) trình bày:

Bà H thống nhất trình bày của ông Lâm Văn Q về việc ông Đặng Lâm Quốc B có ký 03 hợp đồng bảo hiểm với công ty.

Đối với hợp đồng bảo hiểm An phát trọn đời (BV-NCUVL01) số 568432219 ngày 24/7/2014, bà H đã đại diện cháu Anh T khởi kiện.

Đối với hai hợp đồng bảo hiểm còn lại, bà H đề nghị giải quyết theo pháp luật, bà H với tư cách đại diện cho cháu Đặng Ngọc Anh T không có tranh chấp gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Đặng Ngọc Minh T (bà Phạm Ngọc H đại diện) trình bày:

Bà H thống nhất với lời trình bày của ông Lâm Văn Q về việc ông B có ký 03 hợp đồng bảo hiểm với công ty.

Bà H đề nghị giải quyết theo pháp luật, bà H với tư cách đại diện cho cháu Minh T không có tranh chấp gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Ngọc M trình bày:

Bà M thống nhất với lời trình bày của ông Lâm Văn Q về việc ông B có ký 03 hợp đồng bảo hiểm với công ty.

Đối với hợp đồng bảo hiểm An phát hưng gia (BV-NAUVL01) số 568432539 ngày 24/7/2014, bà M đã khởi kiện.

Đối với hai hợp đồng bảo hiểm còn lại, bà M đề nghị giải quyết theo pháp luật, bà M không có tranh chấp gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thanh Phương H trình bày:

Ông H là tư vấn viên của Tổng công ty B, là người tư vấn trực tiếp cho ông B. Trong trường hợp tư vấn viên thực hiện đúng phạm vi công việc đã ủy quyền theo hợp đồng đại lý, công ty sẽ có trách nhiệm thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng bảo hiểm đã ký.

Đối với trường hợp của ông B, ông H đã tư vấn trực tiếp cho ông B đầy đủ các điều kiện, các rủi ro, quyền và nghĩa vụ của khách hàng. Ông H là người viết thay cho ông B tại phiếu yêu cầu bảo hiểm của cả 03 hợp đồng và ông B đã ký tên.

Việc khám sức khỏe của ông B khi tham gia bảo hiểm là đúng quy định, chính ông B là người trực tiếp khi khám. Đối với những nội dung thăm khám sẽ tùy thuộc vào sức khỏe của khách hàng tham gia bảo hiểm ví dụ: Độ tuổi, số tiền tham gia bảo hiểm, những nội dung mà khách hàng đã kê khai trong giấy yêu cầu. Từ những căn cứ trên thì phía công ty sẽ đánh giá mức độ để đề nghị khám cho phù hợp.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, các Điều 147, 227, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 407, Điều 567, Điều 576 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 405, khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 2, Điều 15, điểm c khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 20, Điều 21, khoản 1 Điều 25, Điều 29, Điều 39 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000 sửa đổi bổ sung năm 2011; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Trần Thị T, bà Đặng Ngọc M và cháu Đặng Ngọc Anh T (do bà Phạm Ngọc H làm đại diện) đối với bị đơn Tổng Công ty B về việc tranh chấp hợp đồng bảo hiểm.

- Buộc Tổng Công ty B trả số tiền bảo hiểm cho bà Trần Thị T 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng), theo Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An phát trọn đời (BV-NCUVL01) số 568411607 ngày 17/6/2014, giữa ông Đặng Lâm Quốc B với Tổng Công ty B.

- Buộc Tổng Công ty B trả số tiền bảo hiểm cho bà Đặng Ngọc M 1.500.000.000đ (một tỷ năm trăm triệu đồng), theo Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An phát hưng gia (BV-NAUVL01) số 568432539 ngày 24/7/2014, giữa ông Đặng Lâm Quốc B với Tổng Công ty B.

- Buộc Tổng Công ty B trả số tiền bảo hiểm cho cháu Đặng Ngọc Anh T (do bà Phạm Ngọc H làm đại diện) 2.500.000.000đ (hai tỷ năm trăm triệu đồng), theo Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ An phát trọn đời (BV-NCUVL01) số 568432219 ngày 24/7/2014, giữa ông Đặng Lâm Quốc B với Tổng Công ty B.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Trần Thị T, bà Đặng Ngọc M, cháu Đặng Ngọc Anh T (do bà Phạm Ngọc H làm đại diện) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Tổng Công ty B chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải trả lãi, theo mức lãi suất được qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 09/10/2017 bị đơn đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T có Quyết định kháng nghị số 30/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm; kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T là không cần thiết nên rút quyết định kháng nghị trên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Q, bà Mộng, người đại diện hợp pháp của cháu Anh T, Minh T là bà H có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

Đối với các giấy ủy quyền, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh C theo giấy ủy quyền ngày 26/9/2016 (bút lục 629) và bà Phí Thị Thanh N theo giấy ủy quyền ngày 28/4/2017 (bút lục 813). Tuy nhiên, tại bản án Tòa án cấp sơ thẩm ghi giấy ủy quyền cho bà N ngày 28/7/2017 là có sai sót, nhầm lẫn, nhưng không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vì bà N là người đã được người đại diện theo pháp luật của bị đơn ủy quyền để tham gia tố tụng, đúng với ý chí của bị đơn. Đồng thời, ngày 27/12/2017 bị đơn đã ủy quyền lại cho ông Sin Thoại K, do đó việc ủy quyền là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương rút Quyết định kháng nghị số 30/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/10/2017 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, căn cứ khoản 2 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với quyết định kháng nghị trên.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn:

Tại đơn kháng cáo ngày 09/10/2017, bị đơn cho rằng bản án sơ thẩm đã tuyên không đúng với quy định của hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật; Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa nên đã đưa ra phán quyết làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của bị đơn. Cụ thể: Người được bảo hiểm ông Đặng Lâm Quốc B đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ cung cấp thông tin, cố tình che giấu tình trạng bệnh tật của mình và cung cấp thông tin sai về bệnh tật nhằm mục đích trục lợi bảo hiểm. Việc vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin là căn cứ để công ty không phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền bảo hiểm về rủi ro tử vong của ông B theo quy định tại Khoản 4.2 Điều 4 Điều khoản Bảo hiểm An phát hưng gia và Điều khoản Bảo hiểm An phát trọn đời; Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng tiết b, điểm 6.4.5, khoản 6.4 Điều 6 điều khoản bảo hiểm An phát trọn đời quy định về trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm không phải trả tiền bảo hiểm trong trường hợp “do các nguyên nhân khác (không phải do tai nạn, tự tử) khi hợp đồng có hiệu lực hoặc được khôi phục chưa đủ 12

tháng” là mâu thuẫn với Điều 39 Luật Kinh doanh bảo hiểm nên đã buộc bị đơn phải thanh toán cho các nguyên đơn khoản tiền bảo hiểm 5.500.000.0000 đồng là vận dụng sai các quy định pháp luật.

Xét, ngày 17/6/2014, ông B xác lập giấy yêu cầu bảo hiểm số UVL/2014-0019414 đối với công ty để tham gia gói bảo hiểm An phát trọn đời, giá trị bảo hiểm 1.500.000.000 đồng, thời hạn đóng phí 15 năm, mức phí 30.000.000 đồng/năm, người được bảo hiểm là ông B, người thụ hưởng là bà Trần Thị T.

Theo giấy yêu cầu bảo hiểm do ông B xác lập: Tại phần ghi các thông tin cá nhân, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thanh Phương H (đại lý Tổng Công ty B) thừa nhận ông H là người đã viết các thông tin cá nhân của ông Bảo vào giấy yêu cầu bảo hiểm, còn các thông tin sức khỏe do ông Bảo tự kê khai (biên bản phiên tòa – bút lục 855). Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng tại giấy yêu cầu bảo hiểm ngày 17/6/2014 không có chữ ký của ông B tại các trang nên không thể xác định là ý chí của ông Bảo.

Xét thấy, giấy yêu cầu bảo hiểm là mẫu giấy do công ty lập để người tham gia bảo hiểm kê khai các thông tin khi có yêu cầu tham gia bảo hiểm. Ông B là người yêu cầu được tham gia bảo hiểm, do đó, ông B đã tìm hiểu các thông tin về gói bảo hiểm, quyền lợi bảo hiểm và các nội dung khác liên quan đến bảo hiểm do công ty cung cấp cho khách hàng. Các nội dung thông tin cá nhân là do nhân viên tư vấn bảo hiểm viết dùm, tuy nhiên, các thông tin về sức khỏe thì chỉ có ông B mới biết. Nhân viên tư vấn xác định tự ông B đánh dấu vào các thông tin sức khỏe, phần trả lời có hoặc không. Ông B là người ký tên vào giấy yêu cầu bảo hiểm ngày 17/6/2014, ông B phải đọc rõ rồi mới ký vào giấy yêu cầu. Trường hợp thông tin về sức khỏe có sai sót thì ông B có quyền điều chỉnh. Tại các mục hỏi về tình trạng sức khỏe, các mục trả lời đều được đánh vào ô “không”: “Bạn từng bị hoặc đang bị mắc bất kỳ bệnh lý nào dưới đây không?”; “Trong một năm vừa qua bạn có đi khám bệnh và/hoặc làm xét nghiệm gì không?”; “Bạn có đang mắc hoặc đang điều trị bệnh lý nào không?”. Tại thời điểm xác lập yêu cầu bảo hiểm thì ông Bảo xác định không có bất cứ bệnh tật gì, không đi khám bệnh, xét nghiệm.

Theo hồ sơ có trong vụ án thể hiện ông B đã từng làm xét nghiệm, khám sức khỏe và điều trị bệnh tại nhiều bệnh viện. Cụ thể: Tại Tóm tắt bệnh án số 670/KHTH-TTBA ngày 12/7/2016 của Bệnh Viện U (bút lục 650) thể hiện: Ông B nhập viện ngày 13/5/2014 với bệnh sử: Khởi bệnh 5 tháng, bệnh nhân đau bụng, khám tại Bệnh viện N chẩn đoán hạch ổ bụng; giải phẫu bệnh: Carcinom kém biệt hóa di căn hạch; bệnh nhân qua Singapore điều trị 6 chu kỳ; chẩn đoán: Di căn hạch toàn thân chưa rõ nguyên phát; điều trị: Hóa trị Paclitaxel, Bocartin 2 chu kỳ (ngày 05/6/2014 – 02/7/2014) + Etoposide 1 chu kỳ (ngày 12/8/2014). Đồng thời tại công văn số 1135/BVUB-KHTH ngày 30/5/2017 của Bệnh Viện U (bút lục số 814), bệnh viện đã cung cấp toàn bộ hồ sơ bệnh án của ông B cũng

thể hiện ông B từng khám, xét nghiệm tại các bệnh viện: Bệnh viện chuyên khoa N tại kết quả chụp cộng hưởng từ MRI ngày 11/9/2013 bụng kết luận: Khả năng hạch ác tính di căn; Bệnh viện nhân dân 115 tại Phiếu xét nghiệm giải phẫu bệnh ngày 27/9/2013 kết luận: Ông B bị Carcinoma kém biệt hóa, di căn hạch; Bệnh viện C tại kết quả ghi hình Pet – CT ngày 02/6/2014 kết luận: Tình trạng K tế bào thần kinh nội tiết đã điều trị, hình ảnh Pet – CT hiện tại thấy: Các tổn thương ác tính tăng hoạt động chuyển hóa ở các vị trí đầu và thân tụy, gan hạ phân thùy VII, hạch quanh tụy, dọc động mạch chủ bụng, quanh bó mạch thận, bó mạch chậu chung trong ngoài hai bên và chân hoành hai bên, hạch thượng đòn (T); so sánh với hình ảnh Pet – CT ngày 25/11/2013 chụp tại Singapore thấy các hạch tụy lớn hơn và tăng hoạt động chuyển hóa hơn, tổn thương gan tăng hoạt động chuyển hóa hơn, xuất hiện hạch mới ở bó mạch chậu trong ngoài hai bên, những tổn thương khác không thay đổi đáng kể.

Sau khi xác lập giấy yêu cầu bảo hiểm, ngày 21/6/2014, công ty cho ông B kiểm tra sức khỏe tại Bệnh Viện đa khoa B. Theo Kết quả Kết luận kiểm tra sức khỏe tại Bệnh viện Đa khoa B ngày 21/6/2014 (bút lục 589) ông B là người cung cấp các thông tin kiểm tra sức khỏe, trong đó có nội dung câu hỏi: “Đã từng phải nằm viện điều trị chưa? Khi nào? Lý do? Đợt nằm viện dài nhất là bao lâu? Điều trị nội khoa hay ngoại khoa?”. Ông B đánh vào ô trả lời “Không” và kết quả này ông B đã cam kết thông tin đã cung cấp cho cơ sở y tế của B là hoàn toàn đầy đủ, đúng sự thật và các thông tin này được coi là thông tin bổ sung cho giấy yêu cầu bảo hiểm liên quan và đã ký tên.

Theo lời trình bày của ông H – nhân viên tư vấn: Đối với những nội dung thăm khám sẽ tùy thuộc vào sức khỏe của khách hàng tham gia bảo hiểm ví dụ độ tuổi, số tiền tham gia bảo hiểm, những nội dung mà khách hàng đã kê khai trong giấy yêu cầu; từ những căn cứ trên thì phía công ty sẽ đánh giá mức độ đề nghị thăm khám cho phù hợp.

Các thông tin ông B kê khai trong giấy yêu cầu bảo hiểm và các thông tin khi khám sức khỏe là cơ sở để Bệnh viện đa khoa B thăm khám cho ông B theo yêu cầu của công ty. Như vậy, các nội dung thông tin về sức khỏe trong giấy yêu cầu bảo hiểm của ông B không đúng với thực tế tình trạng sức khỏe của ông B: Ông B đã từng khám, xét nghiệm, điều trị bệnh trong 1 năm trước khi tham gia bảo hiểm. Các nội dung thông tin ông B tự cung cấp khi kiểm tra sức khỏe để tham gia bảo hiểm xã hội cũng không chính xác, cụ thể ông B đã từng nằm viện điều trị nhưng ông B lại xác định là “không”. Do đó, có cơ sở xác định ông B cung cấp thông tin không đầy đủ, không trung thực khi tham gia bảo hiểm.

Ý kiến của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn cho rằng ông B không ký tên vào từng trang giấy yêu cầu nên không có cơ sở xác định ý chí của ông B là không phù hợp.

Theo quy định tại Điều 4, Điều khoản An phát trọn đời quy định nghĩa vụ cung cấp thông tin: “*Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và trung*

thực tất cả những thông tin có liên quan đến người được bảo hiểm và hợp đồng theo yêu cầu của BVNT đồng thời hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin đã cung cấp. Việc BVNT tiến hành kiểm tra sức khỏe của người được bảo hiểm (nếu có) không thay thế nghĩa vụ này”.

“Có ý vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin được hiểu là việc bên mua bảo hiểm cung cấp, kê khai không chính xác, không trung thực hoặc che giấu các thông tin quan trọng mà nếu biết được các thông tin này BVNT đã không chấp nhận bảo hiểm hoặc chấp nhận bảo hiểm nhưng phải kèm theo các điều kiện bổ sung theo quy định của BVNT”.

Theo quy định tại Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm: “Kê khai đầy đủ, trung thực mọi chi tiết có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của Doanh nghiệp bảo hiểm” và Điều 573 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì khi giao kết hợp đồng bảo hiểm, theo yêu cầu của bên bảo hiểm, bên mua bảo hiểm phải cung cấp cho bên bảo hiểm đầy đủ thông tin có liên quan đến đối tượng bảo hiểm.

Do đó, có cơ sở xác định bên mua bảo hiểm ông Đặng Lâm Quốc B đã vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 4, Điều khoản An phát trọn đời và Điều 18 Luật Kinh doanh Bảo hiểm.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định rằng không có cơ sở để cho rằng ông B vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin là không phù hợp.

Ngày 12/3/2015, ông B chết, nguyên nhân chết trong giấy khai tử là do bệnh. Việc công ty không thanh toán tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng bà Trần Thị T sau khi phát sinh sự kiện bảo hiểm là đúng với quy định tại Điều 4 điều khoản bảo hiểm: *BVNT không phải chịu trách nhiệm bảo hiểm về những rủi ro đã phát sinh đối với người được bảo hiểm, đồng thời không phải hoàn lại cho bên mua bảo hiểm số phí bảo hiểm định kỳ và phí bảo hiểm bổ trợ đã đóng.*

Tương tự với gói bảo hiểm được xác lập theo giấy yêu cầu ngày 24/7/2014 bảo hiểm An phát trọn đời: Giá trị bảo hiểm 2.500.000.000 đồng, người được bảo hiểm là ông B, người thụ hưởng là cháu Đặng Ngọc Anh T; giấy yêu cầu ngày 24/7/2014 gói bảo hiểm An phát hưng gia: Giá trị bảo hiểm 1.500.000.000 đồng, người được bảo hiểm là ông B, người thụ hưởng là bà Đặng Ngọc M. Ông B cũng là người vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 4 An phát hưng gia và Điều 4 An phát trọn đời. Do đó, việc Tổng Công ty B từ chối thực hiện nghĩa vụ bảo hiểm đối với những người thụ hưởng bà Đặng Ngọc M, cháu Đặng Ngọc Anh T là đúng quy định.

Yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp, cần sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận.

Đối với các sản phẩm hỗ trợ R15, R16, R17 các nguyên đơn không yêu cầu bồi thường, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là chưa phù hợp.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật. Đối với trường hợp cháu Đặng Ngọc Anh T là trẻ em nên được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 289, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự,

- Căn cứ Điều 18 Luật Kinh doanh bảo hiểm,

- Căn cứ Điều 573 Bộ luật Dân sự năm 2005,

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 30/QĐKNPT-VKS-DS ngày 09/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng Công ty B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Ngọc M về việc yêu cầu Tổng Công ty B trả cho bà Đặng Ngọc M số tiền bảo hiểm 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc yêu cầu Tổng Công ty B trả cho bà Trần Thị T số tiền bảo hiểm 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng).

2.3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cháu Đặng Ngọc Anh T (do bà Phạm Ngọc H đại diện) về việc yêu cầu Tổng Công ty B trả cho cháu Đặng Ngọc Anh T số tiền bảo hiểm 2.500.000.000 đồng (hai tỷ năm trăm triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Đặng Ngọc M phải chịu số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.250.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 01198 ngày 27/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà M còn phải chịu 42.750.000 đồng (bốn mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà Trần Thị T phải chịu số tiền 57.000.000 đồng (năm mươi bảy triệu đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.250.000 đồng (mười bốn triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 01197 ngày 27/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà T còn phải chịu 42.750.000 đồng (bốn mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Cháu Đặng Ngọc Anh T được miễn nộp án phí, trả cho cháu Anh T (do bà Phạm Ngọc H đại diện) tiền tạm ứng án phí đã nộp 41.000.000 đồng (bốn mươi một triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 01199 ngày 27/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (bà Phạm Ngọc H nộp thay).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Trả cho Tổng Công ty B 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số 0001829 ngày 30/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Duyên Hằng

